

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ là doanh nghiệp cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Công trình Đô thị thành phố Cần Thơ, hiện nay Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800271113 ngày 03 tháng 7 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Lư Việt Chiến	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Như	Thành viên
Ông Võ Văn Đước	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
Ông Nguyễn Thạch Em	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2017

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Trần Thanh Phong



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ, được lập ngày 03 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đô thị Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 / Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohem@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

Add: Room 12.8, M5 Building, 91 Nguyen Chi Thanh Str.,
Dong Da Dist., Hanoi / Tel: (84-4) 3244.40.44
Fax: (84-4) 3244.40.45 / Email: info@namvietthn.vn

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.15 về việc chưa góp đủ vốn điều lệ của Công ty, cụ thể số vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 54.249.000.000 đồng, số vốn thực góp đến thời điểm hiện tại là 53.443.451.436 đồng, còn thiếu 805.548.564 đồng. Nguyên nhân do đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa thực hiện xong quyết toán Cổ phần hóa với cơ quan có thẩm quyền.

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Phó Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Kiểm toán viên

Mai Văn Công

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2920-2014-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		49.736.419.129	58.079.937.973
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	32.828.599.411	34.514.306.428
1.	Tiền	111		3.784.270.101	16.514.306.428
2.	Các khoản tương đương tiền	112		29.044.329.310	18.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	8.100.000.000	8.100.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.100.000.000	8.100.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.946.688.217	15.218.342.826
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	7.141.618.719	14.263.572.247
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	18.700.000	509.892.000
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.562.658.574	886.385.972
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(776.289.076)	(441.507.393)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	796.003.263	123.209.425
1.	Hàng tồn kho	141		796.003.263	123.209.425
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		65.128.238	124.079.294
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	65.128.238	124.079.294
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.965.575.228	25.034.872.103
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		17.501.420.675	22.504.370.440
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	17.501.420.675	22.504.370.440
	- Nguyên giá	222		53.360.015.847	53.984.940.950
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(35.858.595.172)	(31.480.570.510)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		166.797.502	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.07	166.797.502	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.297.357.051	2.530.501.663
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	1.297.357.051	2.530.501.663
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		68.701.994.357	83.114.810.076

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		12.709.012.848	27.598.579.969
I.	Nợ ngắn hạn	310		12.319.012.848	27.208.579.969
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	4.685.775.724	5.628.133.449
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	19.131.264	203.300.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	638.475.926	2.761.997.629
4.	Phải trả người lao động	314		5.221.047.514	8.181.318.610
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	733.365.639	4.022.391.150
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	462.851.040	6.112.641.855
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		558.365.741	298.797.276
II.	Nợ dài hạn	330		390.000.000	390.000.000
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		390.000.000	390.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.992.981.509	55.516.230.107
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	55.635.176.964	55.516.230.107
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		53.443.451.436	53.443.451.436
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		53.443.451.436	53.443.451.436
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		157.887.934	157.887.934
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.033.837.594	1.914.890.737
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.033.837.594	1.914.890.737
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		357.804.545	-
1.	Nguồn kinh phí	431	V.16	357.804.545	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		68.701.994.357	83.114.810.076

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	68.924.053.891
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		68.924.053.891
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	55.989.695.835
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.934.358.056
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.409.027.968
7.	Chi phí tài chính	22		-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-
8.	Chi phí bán hàng	25		-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	11.507.405.150
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.835.980.874
11.	Thu nhập khác	31	VI.04	583.268.710
12.	Chi phí khác	32	VI.05	732.471.927
13.	Lợi nhuận khác	40		(149.203.217)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.686.777.657
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	652.940.063
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.033.837.594
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	381
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	381

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thanh Hiếu



Lê Thanh Hiếu



Trần Thanh Phong



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		81.031.461.176
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(39.147.779.424)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.267.158.054)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.109.163.776)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.871.407.284
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.492.761.222)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.113.994.016)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.340.053.783)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		428.181.814
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.409.027.968
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		497.155.999

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.068.869.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.068.869.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(1.685.707.017)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		34.514.306.428
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		32.828.599.411

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lê Thanh Hiếu

Lê Thanh Hiếu

Trần Thanh Phong

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Thu gom vận chuyển và xử lý rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy tu cảnh quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Duy tu và sửa chữa các công trình;
- Dịch vụ đô thị.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 13 năm
- Máy móc, thiết bị	02 – 03 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	01 – 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	433.382.022	506.212.091
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.350.888.079	16.008.094.337
- Các khoản tương đương tiền (*)	29.044.329.310	18.000.000.000
Cộng	32.828.599.411	34.514.306.428

(*): Chi tiết tương đương tiền

Tên ngân hàng	Số cuối năm		
	Gốc tiền gửi	Lãi suất	Thời hạn
Ngân hàng thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	22.044.329.310	4,5%/năm	01 tháng
Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ	7.000.000.000	4,5%/năm	01 tháng
Cộng	29.044.329.310		

02. Các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Cộng	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000

(*): Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với lãi suất 5%/năm – 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	7.141.618.719	14.263.572.247
- Phòng QLĐT quận Ninh Kiều	1.024.625.000	1.363.633.000
- Phòng QLĐT quận Bình Thủy	2.000.751.000	5.823.186.000
- Phòng QLĐT quận Cái Răng	1.403.608.280	5.360.481.574
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.712.634.439	1.716.271.673
Cộng	7.141.618.719	14.263.572.247

04. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	18.700.000	509.892.000
- Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Ô Tô Tây Đô	-	425.052.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	18.700.000	84.840.000
Cộng	18.700.000	509.892.000

05. Phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Ngắn hạn</i>	1.562.658.574	-	886.385.972	-
- Phải thu về cổ phần hoá	611.467	-	-	-
- Tạm ứng	1.144.883.946	-	764.529.546	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	397.163.161	-	121.856.426	-
Cộng	1.562.658.574	-	886.385.972	-

06. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	256.968.175	-	123.209.425	-
- Công cụ, dụng cụ	59.348.636	-	-	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	479.686.452	-	-	-
Cộng	796.003.263	-	123.209.425	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
- Mua sắm	-	-
- Xây dựng cơ bản	166.797.502	-
+ Cửa hàng kinh doanh thiết bị môi trường	166.797.502	-
Cộng	166.797.502	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.990.401.774	1.983.406.696	47.961.422.480	49.710.000	53.984.940.950
- Mua trong năm	-	-	1.173.256.281	-	1.173.256.281
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.798.181.384)	-	(1.798.181.384)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.990.401.774	1.983.406.696	47.336.497.377	49.710.000	53.360.015.847
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.297.532.483	1.539.325.173	27.617.200.852	26.512.002	31.480.570.510
- Khấu hao trong năm	162.627.876	213.667.158	5.592.749.585	7.732.668	5.976.777.287
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.598.752.625)	-	(1.598.752.625)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.460.160.359	1.752.992.331	31.611.197.812	34.244.670	35.858.595.172
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	1.692.869.291	444.081.523	20.344.221.628	23.197.998	22.504.370.440
2. Tại ngày cuối năm	1.530.241.415	230.414.365	15.725.299.565	15.465.330	17.501.420.675

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 596.363.638 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dài hạn	1.297.357.051	2.530.501.663
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	83.569.702	507.522.742
- Lợi thế kinh doanh	1.213.787.349	2.022.978.921
Cộng	1.297.357.051	2.530.501.663

10. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	4.685.775.724	4.685.775.724	5.628.133.449	5.628.133.449
- Cửa hàng điện công nghiệp Gia Khanh	216.270.500	216.270.500	435.534.500	435.534.500
- Cơ sở hoa kiếng Quốc Hùng	372.555.000	372.555.000	408.112.000	408.112.000
- Công ty TNHH Xây dựng An Phú	362.292.000	362.292.000	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ tổng hợp 99	314.581.421	314.581.421	354.914.614	354.914.614
- Công ty Cổ phần Xăng dầu STS Tây Nam Bộ	393.258.955	393.258.955	455.778.741	455.778.741
- Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Tín	-	-	1.624.332.000	1.624.332.000
- Trà Văn Đảo	853.854.771	853.854.771	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	2.172.963.077	2.172.963.077	2.349.461.594	2.349.461.594
Cộng	4.685.775.724	4.685.775.724	5.628.133.449	5.628.133.449

11. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.131.264	19.131.264	203.300.000	203.300.000
- Công ty Cổ phần Môi trường xanh Linh Linh	-	-	200.000.000	200.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	19.131.264	19.131.264	3.300.000	3.300.000
Cộng	19.131.264	19.131.264	203.300.000	203.300.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	1.911.125.882	3.324.065.376	4.991.363.366	-	243.827.892
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	850.871.747	652.940.063	1.109.163.776	-	394.648.034
- Thuế thu nhập cá nhân	124.079.294	-	63.088.056	4.137.000	65.128.238	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	422.351.424	422.351.424	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	124.079.294	2.761.997.629	4.465.444.919	6.530.015.566	65.128.238	638.475.926

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	733.365.639	4.022.391.150
- Chi phí tiền ăn ca	188.544.958	197.309.678
- Chi phí xử lý rác thải	433.926.195	3.331.013.290
- Chi phí tư vấn giám sát	-	362.068.182
- Chi phí phải trả khác	110.894.486	132.000.000
Cộng	733.365.639	4.022.391.150

14. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	462.851.040	6.112.641.855
- Kinh phí công đoàn	24.566.040	22.470.310
- Phải trả về cổ phần hoá	-	3.107.950.385
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.000.000	12.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.111.000	1.084.980.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	410.174.000	1.885.241.160
+ Giá trị thanh lý tài sản không đưa vào giá trị doanh nghiệp Cổ phần hóa	-	967.597.727
+ Các đối tượng khác	410.174.000	917.643.433
Cộng	462.851.040	6.112.641.855

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	53.443.451.436	-	-	53.443.451.436
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	3.157.758.671	3.157.758.671
Phân phối lợi nhuận	-	157.887.934	(1.242.867.934)	(1.084.980.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	53.443.451.436	157.887.934	1.914.890.737	55.516.230.107
Số dư đầu năm nay	53.443.451.436	157.887.934	1.914.890.737	55.516.230.107
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	2.033.837.594	2.033.837.594
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(1.914.890.737)	(1.914.890.737)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	53.443.451.436	157.887.934	2.033.837.594	55.635.176.964

(*): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 06/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2016, thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2015 (từ 03/7/2015 đến 31/12/2015) số lợi nhuận còn lại phân phối vào quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>
	VND	%	VND	%
Vốn góp của các cổ đông khác:	53.443.451.436		53.443.451.436	
- Vốn góp của Nhà nước	49.306.451.436	92,26	49.306.451.436	92,26
- Các cổ đông khác	4.137.000.000	7,74	4.137.000.000	7,74
Cộng	53.443.451.436	100	53.443.451.436	100

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu góp thiếu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Cổ đông	Vốn đã góp thực tế tại 31/12/2016	Vốn góp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Số vốn góp thiếu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
	Giá trị cổ phần (VND)	Giá trị cổ phần (VND)	(VND)
Nhà nước	49.306.451.436	50.112.000.000	805.548.564
Cổ đông khác	4.137.000.000	4.137.000.000	-
Tổng cộng	53.443.451.436	54.249.000.000	805.548.564

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	53.443.451.436	53.443.451.436
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	53.443.451.436	53.443.451.436
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.084.980.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	1.084.980.000

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.424.900	5.424.900
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.344.345	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.344.345	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.344.345	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.344.345	5.344.345
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***16. Nguồn kinh phí**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	-	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	357.804.545	-
Chi sự nghiệp	-	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	<u>357.804.545</u>	<u>-</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.924.053.891
Cộng	<u>68.924.053.891</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	55.989.695.835
Cộng	<u>55.989.695.835</u>

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.409.027.968
Cộng	<u>1.409.027.968</u>

04. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>
- Lãi do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	199.903.055
- Các khoản khác	383.365.655
Cộng	<u>583.268.710</u>

05. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>
- Các khoản khác	732.471.927
Cộng	<u>732.471.927</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	11.507.405.150
- Chi phí nhân viên quản lý	4.346.651.081
- Chi phí vật liệu quản lý	7.015.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	90.991.181
- Chi phí khấu hao TSCĐ	366.299.832
- Thuế, phí và lệ phí	700.560.598
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.733.311.415
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.262.576.043
Cộng	11.507.405.150

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	652.940.063
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	652.940.063

(*): Chi tiết cách xác định chi phí thuế thu nhập hiện hành

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.686.777.657
- Các khoản điều chỉnh tăng	577.922.660
+ Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	577.922.660
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập tính thuế TNDN	3.264.700.317
Thuế suất thuế TNDN	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	652.940.063

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.033.837.594
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.033.837.594
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.344.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	381

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	2.033.837.594
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.033.837.594
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.344.345
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u><u>381</u></u>

10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.864.460.777
- Chi phí nhân công	29.256.028.882
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.976.777.287
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.395.657.764
- Chi phí khác bằng tiền	7.483.862.727
Cộng	<u><u>67.976.787.437</u></u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng	1.981.259.684
Cộng	<u><u>1.981.259.684</u></u>

03. Thông tin về bộ phận

- Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.
- Công ty chỉ có một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.828.599.411	-	34.514.306.428	-	32.828.599.411	34.514.306.428
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.538.781.880	-	14.385.428.673	-	7.538.781.880	14.385.428.673
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.100.000.000	-	8.100.000.000	-	8.100.000.000	8.100.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	48.467.381.291	-	56.999.735.101	-	48.467.381.291	56.999.735.101
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	4.685.775.724	5.628.133.449	4.685.775.724	5.628.133.449		
Vay và nợ	-	-	-	-		
Chi phí phải trả	733.365.639	4.022.391.150	733.365.639	4.022.391.150		
Các khoản phải trả khác	410.174.000	1.885.241.160	410.174.000	1.885.241.160		
Cộng	5.829.315.363	11.535.765.759	5.829.315.363	11.535.765.759		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho Ngân hàng vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	4.685.775.724	-		4.685.775.724
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	733.365.639	-		733.365.639
Các khoản phải trả khác	410.174.000	-		410.174.000
Cộng	5.829.315.363	-	-	5.829.315.363
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	5.628.133.449	-		5.628.133.449
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	4.022.391.150	-		4.022.391.150
Các khoản phải trả khác	1.885.241.160	-		1.885.241.160
Cộng	11.535.765.759	-	-	11.535.765.759

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔ THỊ CẦN THƠ

Số 5, Võ Thị Sáu, phường An Hội, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 03 tháng 7 năm 2015 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Cần Thơ, ngày 03 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu  Lê Thanh Hiếu	Kế toán trưởng  Lê Thanh Hiếu	Giám đốc  Trần Thanh Phong
--	--	--


